**Mẫu số 06**

**THANG ĐIỂM ÁP DỤNG BÌNH XÉT KHU DÂN CƯ VĂN HÓA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chuẩn** | **Có** | **Không** |  |
| **I** | **Các trường hợp không xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa** |  |  |  |
| 1 | Khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. |  |  |  |
| 2 | Có điểm, tụ điểm ma túy, mại dâm. |  |  |  |
| 3 | Có hoạt động lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật. |  |  |  |
| 4 | Không xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước (chưa được UBND huyện công nhận) |  |  |  |
| 5 | Không có Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn, tổ dân phố (khối phố) *(trừ các thôn (khối phố) nằm ở Trung tâm xã sử dụng chung Trung tâm Văn hóa, Khu thể thao xã; các thôn có dân số ít, địa giới hành chính gần nhau, được sự đồng thuận của nhân dân (có biên bản họp nhân dân các thôn) tổ chức sinh hoạt văn hóa, thể thao tại một nhà văn hóa liên thôn)* |  |  |  |
| 6 | Chi bộ đảng, các tổ chức đoàn thể trong năm được cấp có thẩm quyền xếp loại “Không hoàn thành nhiệm vụ” *(đối với trường hợp tại thời điểm xét danh hiệu Khu dân cư văn hóa đã có kết quả xếp loại thi đua công tác Đảng và các đoàn thể)* |  |  |  |
| 7 | Có trường hợp vi phạm pháp luật mà bản án tòa án có hiệu lực mức tù giam từ 36 tháng trở lên *(trừ trường hợp người đi khỏi nơi cư trú từ 30 ngày trở lên và có đăng ký tạm trú tại địa phương khác)* |  |  |  |
| 8 | Có trẻ em trong thôn, tổ dân phố lang thang hư hỏng; người già neo đơn không được quan tâm giúp đỡ |  |  |  |
| **II** | **Tự đánh giá thực hiện tiêu chí** | **Điểm chuẩn** | **Điểm tự chấm** | **BCĐ chấm lại** |
| **1** | **Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển** | **20** |  |  |
| a | Người trong độ tuổi lao động có việc làm và thu nhập ổn định. | 5 |  |  |
| b | Thu nhập bình quân đầu người cao hơn hoặc bằng mức bình quân của huyện, thị xã, thành phố. | 5 |  |  |
| c | Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thấp hơn hoặc bằng mức bình quân chung của huyện, thị xã, thành phố. | 3 |  |  |
| d | Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở kiên cố cao hơn hoặc bằng mức bình quân chung của huyện, thị xã, thành phố, không có nhà ở dột nát. | 3 |  |  |
| đ | Hệ thống giao thông chính (đường trục thôn) được cứng hóa, đảm bảo đi lại thuận tiện. | 2 |  |  |
| e | Có các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật; phát triển ngành nghề truyền thống; hợp tác và liên kết phát triển kinh tế. | 2 |  |  |
| **2** | **Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú** | **20** |  |  |
| a | Có nhà văn hóa, sân thể thao phù hợp với điều kiện của khu dân cư. | 5 |  |  |
| b | Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở trở lên. | 5 |  |  |
| c | Có kế hoạchvà tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí lành mạnh; có điểm đọc sách phục vụ cộng đồng; thực hiện tốt công tác hòa giải. | 5 |  |  |
| d | Bảo tồn, phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống của địa phương. | 3 |  |  |
| đ | Các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được giữ gìn, bảo vệ. | 2 |  |  |
| **3** | **Môi trường cảnh quan sạch đẹp** | **20** |  |  |
| a | Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn khu dân cư có hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. | 5 |  |  |
| b | Có hệ thống cấp, thoát nước hoặc các hộ dân trên địa bàn khu dân cư xử lý tự thấm, không gây ô nhiễm môi trường. | 3 |  |  |
| c | Nhà ở, công trình công cộng, nghĩa trang phù hợp quy hoạch của địa phương; | 2 |  |  |
| d | Các địa điểm vui chơi công cộng được tôn tạo, bảo vệ và giữ gìn sạch sẽ. Phát huy hiệu quả sử dụng. | 2 |  |  |
| đ | Có địa điểm bố trí vị trí quảng cáo rao vặt. **Định kỳ tối thiểu 1 lần/tháng tổ chức làm vệ sinh chung trên địa bàn khu dân cư.** | 2 |  |  |
| e | Rác thải được thu gom, xử lý đúng nơi quy định. | 2 |  |  |
| g | Có hoạt động tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân về bảo vệ môi trường. | 2 |  |  |
| h | Tổ chức, tham gia hoạt động phòng, chống dịch bệnh. | 2 |  |  |
| **4** | **Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước** | **30** |  |  |
| a | Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật, chính sách dân số. | 5 |  |  |
| b | Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát hoạt động cơ quan nhà nước; các tổ chức tự quản ở cộng đồng hoạt động có hiệu quả. | 5 |  |  |
| c | Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm dần từng năm; trẻ em được tiêm chủng đầy đủ. | 5 |  |  |
| d | Có các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật. | 5 |  |  |
| đ | Đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự. | 5 |  |  |
| e | Chi bộ Đảng, các tổ chức đoàn thể hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ. | 5 |  |  |
| **5** | **Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng** | **10** |  |  |
| a | Thực hiện chính sách của Nhà nước về các hoạt động nhân đạo, từ thiện và đẩy mạnh thực hiện phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Quỹ vì người nghèo” và các cuộc vận động khác. | 5 |  |  |
| b | Quan tâm, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người có công, người khuyết tật, người lang thang, cơ nhỡ và người có hoàn cảnh khó khăn. | 5 |  |  |
|  | **CỘNG** | **100** |  |  |
| **6** | **Điểm thưởng:** |  |  |  |
| a | Chi bộ Đảng hoặc chính quyền hoặc các tổ chức đoàn thể trong năm được cấp có thẩm quyền xếp loại đạt mức “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” (chỉ tính một trường hợp). | 3 |  |  |
| b | Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn (tổ dân phố) được xây mới, nâng cấp trong năm đạt chuẩn theo quy định hoặc Điểm vui chơi, giải trí trẻ em, người cao tuổi được xây mới trong năm. | 3 |  |  |
| c | Trong năm, thôn (tổ dân phố) được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen về thành tích xây dựng đời sống văn hóa hoặc phát triển kinh tế - xã hội. | 3 |  |  |
| d | Trong năm, thôn (tổ dân phố) được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen về thành tích xây dựng đời sống văn hóa hoặc phát triển kinh tế - xã hội. | 2 |  |  |
| **7** | **Điểm trừ:** |  |  |  |
| a | Vi phạm chính sách dân số KHHGĐ (sinh con thứ 3 trở lên):  - Thôn, tổ dân phố dưới 300 hộ: Mỗi trường hợp trừ 3 điểm.  - Thôn, tổ dân phố từ 300 - 399 hộ: Mỗi trường hợp trừ 2,5 điểm.  - Thôn, tổ dân phố từ 400 - 499 hộ: Mỗi trường hợp trừ 2 điểm.  - Thôn, tổ dân phố trên 500 hộ: Mỗi trường hợp trừ 1,5 điểm. |  |  |  |
| b | Có trường hợp vi phạm pháp luật mà bản án tòa án có hiệu lực mức tù giam từ 24 tháng đến dưới 36 tháng:  - Có án phạt tù từ 24 tháng đến dưới 36 tháng (mỗi trường hợp trừ 05 điểm).  - Có án phạt tù từ 12 tháng đến dưới 24 tháng (mỗi trường hợp trừ 03 điểm)  - Có án phạt tù từ 12 tháng, kể cả tù treo (mỗi trường hợp trừ 02 điểm) |  |  |  |
|  | **TỘNG CỘNG** |  |  |  |